

Bản án số: 41/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 17/4/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy T
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Viên và bà Nguyễn Thị Hoa.
- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Q;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/11/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 2002, HKTT: Thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố H; hiện trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện C, thành phố H (Có mặt);
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Công H**, sinh năm 2001, HKTT và nơi ở: Thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố H. (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về phía nguyên đơn*: Trong đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình tố tụng tại tòa án chị Đỗ Thị H trình bày:

Tôi kết hôn cùng với anh H (địa chỉ như trên) và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q ngày 11/3/2021, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, 2 vợ chồng ở tại gia đình nhà chồng. Nghề nghiệp: Điều lao động tự do. Thời gian ở chung cùng gia đình vợ chồng không phát triển được tài sản gì.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chưa đầy 1 năm thì đã phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, chồng tôi mãi chơi ít quan tâm đến gia đình trong khi tôi nuôi con, không có công ăn việc làm, dẫn đến vợ chồng nhiều mâu thuẫn (từ kinh tế dẫn đến tình cảm). Vợ chồng tôi ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay (Tôi và con về nhà mẹ đẻ ở). Từ khi ly thân vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của 02 vợ chồng hai bên gia đình có biết nhưng do vợ chồng đã trưởng thành nên hai bên gia đình không can thiệp.

Nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin được Toà giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để sớm ổn định công việc, cuộc sống và nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh N, sinh 09/7/2020. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi con. Vấn đề góp phí tổn nuôi con xin được thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết. Chỗ ăn, ở của 02 mẹ con ở tại nhà ngoại đầy đủ điều kiện và có ông, bà ngoại hỗ trợ chăm sóc cháu đảm bảo.

Về thu nhập thực tế của tôi là 06 – 07 triệu/tháng (làm may ổn định).

Do tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết để vợ chồng ly hôn và xin không hòa giải nhiều lần.

Về án phí: Tôi xin nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**Về phía bị đơn:* Anh Nguyễn Công H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt. Thông qua điện thoại và tin nhắn Zalo nhắc anh H về ngày giờ đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án thì anh H đều hứa và hẹn ngày, giờ đến làm việc nhưng sau lại trả lời “*Không về được..*”. Đồng thời anh cũng cho rằng một khi cô H cương quyết xin ly hôn thì anh về Tòa tham gia hòa giải cũng không giải quyết được việc gì; còn về con chung anh cho rằng trước mắt do con còn nhỏ cần mẹ chăm sóc, anh còn phải đi làm ăn sau này cháu lớn, cô H đi lấy chồng thì anh đề nghị Tòa án thay đổi nuôi con sau theo quy định của pháp luật.

**Về phía đại diện gia đình bị đơn:* Bà Hoàng Thị C (mẹ đẻ của anh H) phản ánh: Quá trình chung sống, 2 vợ chồng mâu thuẫn như thế nào, gia đình không rõ chỉ biết mâu thuẫn xuất phát từ thời điểm đầu năm 2021 sau cưới, do dẫn cách dịch bệnh, chị H cùng con về nhà ngoại ở, anh H thì đi làm sơn ở gần nhà. Vợ chồng mỗi người một nơi. Một thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Gia đình có hỏi thăm đề hàn gắn nhưng không thành. Nay chị H xin ly hôn, gia đình tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn cháu Ánh N còn bé, cháu Hai bận đi làm không tiện chăm sóc cho con. Nếu chị H có nguyện vọng được nuôi con, tôi và gia đình cũng đồng ý.

Biên bản xác minh ngày 27/2/2023, tại UBND xã P thể hiện: Về tình cảm vợ

chồng, chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Công H kết hôn vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 11/3/2021 là đúng. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị thể hiện: Quá trình 02 vợ chồng chung sống tại địa phương không có điều tiếng gì lớn mà cũng không có đơn thư phản ánh mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, nguyên nhân sâu xa mâu thuẫn vợ chồng do đâu thì địa phương không nắm được. Chỉ biết, quá trình chung sống, chị H về nhà mẹ đẻ ở tại xã Đ, huyện C một thời gian cùng con, còn anh H sống và làm việc tại địa phương nhưng nghề nghiệp gì địa phương không biết. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa hòa giải cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về thu nhập phổ thông trung bình tại địa phương là 300.000 đồng/người/ngày.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh H nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định. Có mặt chị H nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Ngoài ra chị H cho rằng lý do sinh con trước khi đăng ký kết hôn là do vợ chồng có quan hệ lúc chị chưa đủ tuổi kết hôn dẫn đến sinh con tháng 7/2020 đến tháng 03/2021 mới đi đăng ký kết hôn và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:

1. Về Tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như:

+ Về quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu khác trong hồ sơ xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về Thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố H nên Tòa án nhân dân huyện Q xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại các điều khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc xác định tư cách tham gia tố tụng người tham gia tố tụng: đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Vi phạm quy định tại điều 203 của BLTTDS: quá thời hạn giải quyết là 18 ngày.

- Về thời hiệu giải quyết vụ án: Đúng quy định.

- Việc thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án: Đúng quy định tại các điều 175, 177, 178, 195, 196 BLTTDS.

- Về việc thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các bên, tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp.

- Về trình tự thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các điều: 205, 208, 209, 210, 211- BLTTDS

- Việc đưa vụ án ra xét xử: Đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã tổng đạt cho các đương sự.

- Việc gửi QĐXX, hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Đúng thời hạn quy định tại điều 220 BLTTDS.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định.

2. Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, sống ly một thời gian, không ai quan tâm đến ai, Tòa án đã tiến hành hòa giải triệu tập nhiều lần nhưng anh H đều không đến, không hợp tác, không có biện pháp níu kéo tình cảm nên giải quyết cho hai bên được ly hôn để các bên sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với pháp luật.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị H, cho chị H được ly hôn với anh H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh 09/7/2020 (dưới 36 tháng tuổi) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có thay đổi khác. Các bên có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Công H có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố H nên việc chị H có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp

luật. Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh H, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q ngày 11/3/2021, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị H thì vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chưa đầy 1 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh H mãi chơi ít quan tâm đến gia đình trong khi chị H phải nuôi con, không có công ăn việc làm, dẫn đến vợ chồng nhiều mâu thuẫn (từ kinh tế dẫn đến tình cảm). Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của 02 vợ chồng hai bên gia đình có biết và có can thiệp nhưng không đạt kết quả. Về phía anh H biết việc Tòa án giải quyết vụ án nhưng không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Qua quan điểm của đại diện gia đình anh H và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh H là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và cần xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh N, sinh 09/7/2020. Ly hôn chị H xin được nuôi con (vì con dưới 36 tháng tuổi) và không đề nghị anh H góp phí tổn nuôi con. Anh H và gia đình không có ý kiến gì về việc giao con cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc. Nay ly hôn, do cháu Ánh N còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị H. Căn cứ vào mức thu nhập và tình hình thực tế của các bên, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người mẹ, của con chung chưa thành niên sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giao con Nguyễn Thị Ánh N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Nguyễn Công H;

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công H;

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh N, sinh 09/7/2020. Ly hôn giao con Nguyễn Thị Ánh N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại, thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về góp phí tổn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000417 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- UBND xã P, H Quốc Oai.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy T